

Số: 90 /QĐ-SKHĐT

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp**  
**tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

**GIÁM ĐỐC SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định 101/QĐ-BKHHCN ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ công bố Mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;

Căn cứ Quyết định số 57/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ xác nhận của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc Hệ thống quản lý chất lượng có hiệu lực;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Kế hoạch và Đầu tư phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 87/QĐ-SKHĐT ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng, đơn vị, công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;
- Ban Giám đốc Sở;
- Ban ISO, Tổ giúp việc Ban ISO;
- Lưu: VT, VP.

**GIÁM ĐỐC**

**Trương Hòa Châu**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**BẢN CÔNG BỐ**  
**PHẠM VI HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG**  
**THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**  
**TẠI SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ ĐỒNG THÁP**

---

Căn cứ vào bộ thủ tục hành chính được Ủy ban nhân dân Tỉnh công bố và nhu cầu giải quyết hồ sơ cho tổ chức, công dân, doanh nghiệp, Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư xác định xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 với phạm vi như sau:

1. Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng cho hoạt động trong cơ quan, bao gồm 08 phòng, đơn vị thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư, cụ thể:

- Văn phòng.
- Thanh tra.
- Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Phòng Đấu thầu, Thẩm định.
- Phòng Nghiệp vụ Kế hoạch và Đầu tư.
- Phòng Hợp tác Đầu tư.
- Phòng Tổng hợp, Quy hoạch.
- Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp và Khởi nghiệp.

2. Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng cho 08 lĩnh vực với 111 thủ tục hành chính (theo Phụ lục đính kèm).

3. Hệ thống quản lý chất lượng của cơ quan áp dụng đáp ứng tất cả các điều khoản của tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 (ngoại trừ điều khoản 7.1.5 – các nguồn lực theo dõi và đo lường; điều khoản 8.3 – thiết kế và phát triển sản phẩm, dịch vụ)/.

*Đồng Tháp, ngày 11 tháng 11 năm 2022*

**GIÁM ĐỐC**

**Trương Hòa Châu**

**Phụ lục**  
**CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ**  
**CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**  
**TẠI SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

<b>TT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Mã hiệu</b>
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Doanh nghiệp</b>	
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	QT.ĐKKD.01
2	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	QT.ĐKKD.02
3	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	QT.ĐKKD.03
4	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	QT.ĐKKD.04
5	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	QT.ĐKKD.05
6	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp ( <i>đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh</i> ).	QT.ĐKKD.06
7	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp ( <i>đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh</i> ).	QT.ĐKKD.07
8	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	QT.ĐKKD.08
9	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	QT.ĐKKD.09
10	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp ( <i>đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh</i> )	QT.ĐKKD.10
11	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	QT.ĐKKD.11
12	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	QT.ĐKKD.12
13	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	QT.ĐKKD.13
14	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh ( <i>đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh</i> )	QT.ĐKKD.14

15	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	QT.ĐKKD.15
16	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	QT.ĐKKD.16
17	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	QT.ĐKKD.17
18	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế ( <i>trừ thay đổi phương pháp tính thuế</i> )	QT.ĐKKD.18
19	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh).	QT.ĐKKD.19
20	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	QT.ĐKKD.20
21	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	QT.ĐKKD.21
22	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	QT.ĐKKD.22
23	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	QT.ĐKKD.23
24	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	QT.ĐKKD.24
25	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn	QT.ĐKKD.25

	phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	
26	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền	QT.ĐKKD.26
27	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	QT.ĐKKD.27
28	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	QT.ĐKKD.28
29	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	QT.ĐKKD.29
30	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập ( <i>đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh</i> )	QT.ĐKKD.30
31	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách ( <i>đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần</i> )	QT.ĐKKD.31
32	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	QT.ĐKKD.32
33	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	QT.ĐKKD.33
34	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	QT.ĐKKD.34
35	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	QT.ĐKKD.35
36	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	QT.ĐKKD.36
37	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy	QT.ĐKKD.37

	chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	
38	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	QT.ĐKKD.38
39	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo ( <i>doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</i> )	QT.ĐKKD.39
40	Giải thể doanh nghiệp	QT.ĐKKD.40
41	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	QT.ĐKKD.41
42	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	QT.ĐKKD.42
43	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	QT.ĐKKD.43
44	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	QT.ĐKKD.44
45	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	QT.ĐKKD.45
46	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	QT.ĐKKD.46
47	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	QT.ĐKKD.47
48	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	QT.ĐKKD.48
49	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	QT.ĐKKD.49
50	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	QT.ĐKKD.50
51	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	QT.ĐKKD.51
52	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	QT.ĐKKD.52
53	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	QT.ĐKKD.53
54	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp	QT.ĐKKD.54

	sáng tạo	
55	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	QT.ĐKKD.55
56	Thông báo chuyên nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư	QT.ĐKKD.56
57	Thủ tục đề nghị hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn	QT.ĐKKD.57
58	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp	QT.ĐKKD.58
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu</b>	
59	Thành lập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	QT.DNNN.01
60	Hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	QT.DNNN.02
61	Chia, tách công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	QT.DNNN.03
62	Tạm ngừng kinh doanh công ty TNHH một thành viên	QT.DNNN.04
63	Giải thể công ty TNHH một thành viên	QT.DNNN.05
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Hợp tác xã</b>	
64	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.01
65	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.02
66	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.03
67	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.04
68	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	QT.HTX.05
69	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách	QT.HTX.06
70	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	QT.HTX.07
71	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	QT.HTX.08
72	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất)	QT.HTX.09

	hoặc bị hư hỏng)	
73	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.10
74	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.11
75	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.12
76	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.13
77	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.14
78	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.15
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam</b>	
79	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	QT.ĐTVN.01
80	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	QT.ĐTVN.02
81	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	QT.ĐTVN.03
82	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	QT.ĐTVN.04
83	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	QT.ĐTVN.05
84	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	QT.ĐTVN.06
85	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	QT.ĐTVN.07
86	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	QT.ĐTVN.08
87	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	QT.ĐTVN.09
88	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử	QT.ĐTVN.10



	dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	
89	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh	QT.ĐTVN.11
90	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	QT.ĐTVN.12
91	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 3, Điều 41 Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	QT.ĐTVN.13
92	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	QT.ĐTVN.14
93	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	QT.ĐTVN.15
94	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	QT.ĐTVN.16
95	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	QT.ĐTVN.17
96	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	QT.ĐTVN.18
97	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	QT.ĐTVN.19
98	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	QT.ĐTVN.20
99	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	QT.ĐTVN.21

100	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	QT.ĐTVN.22
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn</b>	
101	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ	QT.ĐTNN.01
102	Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.	QT.ĐTNN.02
103	Giải ngân Khoản vốn hỗ trợ cho doanh nghiệp	QT.ĐTNN.03
<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực nguồn vốn hỗ trợ chính thức (ODA), vay ưu đãi của các nhà tài trợ</b>	
104	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	QT.ODA.01
105	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng.	QT.ODA.02
106	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm	QT.ODA.03
<b>VII</b>	<b>Lĩnh vực Đầu tư theo phương thức đối tác công tư</b>	
107	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất.	QT.PPP.01
108	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất.	QT.PPP.02
109	Thẩm định nội dung điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất.	QT.PPP.03
110	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	QT.PPP.04
<b>VIII</b>	<b>Lĩnh vực Đấu thầu</b>	
111	Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư).	QT.ĐT.01